



# DỰ ÁN QUẢN LÝ TỔNG HỢP HOẠT ĐỘNG ĐÀM PHÁ DỰ ÁN IMOLA II

## BÁO CÁO TIẾN ĐỘ (66 tháng)

Kỳ Báo cáo  
Tháng 9/2010 - Tháng 4/2011

Massimo Sarti  
Điều Phối Viên

Huế, tháng 5 năm .2011



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ





**BÁO CÁO TIẾN ĐỘ DỰ ÁN**  
**CHƯƠNG TRÌNH QUỸ ỦY THÁC**

**HƯỚNG DẪN:** Báo cáo viên sẽ hoàn thành báo cáo 4 phần này, và nộp bản gốc có chữ ký và hai bản sao cho Cán bộ liên kết quỹ (Funding Liaison Officer) trong Dịch vụ Phát triển Chương trình Thực địa, TCAP. Cán bộ hỗ trợ kỹ thuật hay các thành viên thực hiện công việc, sẽ nhận được một bản nhận xét gửi trực tiếp tới Đơn vị Liên lạc quỹ, trong vòng hai ngày kể từ ngày nhận được bản báo cáo.

**CHÚ Ý.** Để đảm bảo tuân thủ lịch nộp các báo cáo tiến độ cho các nhà tài trợ, báo cáo viên sẽ tuân thủ một cách nghiêm ngặt các yêu cầu nêu sau, bắt kể ngày khởi động dự án:

Nguồn quỹ	Các kì báo cáo	Hạn báo cáo tiến độ tại trụ sở FAO
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bỉ, Canada, Hoa Kỳ</li> <li>• BADEA, Chương trình Vịnh Ả-rập, Đan Mạch, Phần Lan, Nhật Bản, Thụy Sĩ, Thụy Điển, Libia và các nhà tài trợ khác chưa được đề cập đến trước đây</li> <li>• Úc, Pháp, Italia, Hà Lan, Na-uy, Quỹ Ủy thác đơn phương (trừ khi được chính thức thông qua)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tháng Năm-tháng Mười và Mười một-tháng Tư</li> <li>• Tháng Giêng-tháng Sáu và tháng Bảy-tháng Mười hai</li> <li>• Tháng Ba-Tháng Tám và tháng Chín-tháng Hai</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 30/11 và 31/05</li> <li>• 31/07 và 31/01</li> <li>• 30/9 và 31/03</li> </ul>

Kí hiệu dự án	Tên dự án			Giai đoạn báo cáo
<b>GCP/VIE/029/ITA</b>	<b>Quản lý tổng hợp các hoạt động đàm phán</b>			<b>09/2010 đến 30/04/2011</b>
Cơ quan điều hành FAOR/BH/CPO/TO	Đơn vị Kỹ thuật	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Tổng ngân sách dự án
<b>Đại diện FAO, Việt Nam</b>	<b>FIEP, Trụ sở FAO, Rome</b>	<b>05/08/ 2005</b>	<b>30/06/2012</b>	<b>USD 3,341,990</b>

**A. TIẾN ĐỘ VÀ ĐẦU RA**

*Nêu sơ lược các mục tiêu trước mắt của dự án và mô tả tiến độ dự án đã hoàn tất các mục tiêu, đặc biệt là các đầu ra trong kì báo cáo như đã nêu ra trong kế hoạch hoạt động theo hình thức tiêu đề và tiêu đề phụ.*

**Tóm tắt:**

Mục tiêu của dự án IMOLA là quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên vùng đầm phá Tam Giang Cầu Hai và tiếp tục hỗ trợ sinh kế bền vững cho những người dân phụ thuộc nguồn lợi và lấy đó làm nguồn thu nhập, việc làm và an ninh lương thực của họ. Mục tiêu này dự kiến sẽ đạt được

trong hai năm của IMOLA giai đoạn II; Kế hoạch Quản lý Đầm phá Tổng hợp được thực hiện thí điểm dưới hình thức giao quyền quản lý nguồn lợi cho các Chi hội Nghề cá. Mục tiêu trước mắt sẽ hoàn tất sau khi thực hiện ba hợp phần chính (các đầu ra và Tiêu đầu ra bổ trợ), những đầu ra này được một số hoạt động bổ trợ, tất cả đều hướng đến công tác thực hiện và củng cố kế hoạch mà Ủy Ban Nhân Dân tỉnh sẽ xem xét phê duyệt và ban hành. Các hợp phần của dự án IMOLA giai đoạn II (từ Đầu ra 5 đến Đầu ra 7) được liệt kê trong khung logic dự án (đính kèm) và tình hình thực hiện mô tả ngắn gọn dưới đây.

Tính đến 30 tháng 04 năm 2011, tức sau 69 tháng từ khi dự án đi vào hoạt động, dự án có những tiêu điểm đáng chú ý sau.

**Quản lý và quy hoạch khai thác thủy sản:** dự án đã hoàn thành phân vùng toàn diện và quy hoạch mặt nước hai khu vực mặt nước : đó là đầm Cầu Hai (huyện Phú Lộc) bao gồm sắp xếp ngư cụ cố định, chuẩn bị thực hiện sắp xếp lại ở khu vực châu thổ sông Hương, bao gồm các xã của huyện Hương Trà và Quảng Công (huyện Quảng Điền) sau khi phiên tham vấn ý kiến hoàn thành. Việc quy hoạch phân vùng đưa ra các phương án đa dạng gồm i) giảm số lượng ngư cụ cố định, ii) cơ chế phân quyền cho các Chi hội Nghề cá thông qua việc giao quyền khai thác thủy sản, iii) hợp lý hoá đường giao thông (bao gồm dỡ bỏ những ngư cụ vi phạm luồng giao thông thủy, iv) xác định vùng bảo vệ sẽ do các Chi hội Nghề cá có năng lực quản lý, v) hình thành các ban đồng quản lý, vi) hoàn thành quy chế quản lý và cơ chế hỗ trợ thông qua việc thu phí và vii) và các biện pháp bảo vệ (cắm chuôm). Các kế hoạch phân vùng và chi tiết thực hiện bao gồm kế hoạch giảm số lượng ngư cụ cố định đã được tham vấn các cấp chính quyền và quá trình này đã hoàn thành vào tháng 12/2010. Việc giải tỏa các ngư cụ ở Cầu Hai, theo số liệu của từng xã đã được IMOLA thu thập, đã được hoàn chỉnh để đảm bảo việc thực hiện Quy hoạch của Tỉnh. Việc thực hiện quy hoạch tổng thể đầm Cầu Hai (Phú Lộc) hoàn thành vào tháng 12/2010 trong khi đó Hương Trà dự kiến diễn ra vào cuối kỳ thứ hai, năm 2011 (xem chi tiết trong phần Đầu ra 6.1).

**Đánh giá năng lực khai thác ở Miền Trung Việt Nam:** Hoạt động này được thiết kế nhằm tìm hiểu chiến lược và phương pháp để quản lý khai thác thủy sản bền vững ở Việt Nam, hoạt động này đã hoàn thành. Được thực hiện ở các tỉnh miền trung Việt Nam (từ Quảng Nam đến Quảng Trị) với sự đóng góp của IMOLA, đây là một đợt thí điểm, kết quả của hoạt động này đã được trình bày tại Hội nghị Quốc tế về Quản lý Năng lực Khai thác ở Nha Trang (tháng 5/2010). Các bước thực hiện tiếp theo đang được đánh giá, về mặt gây quỹ để hoàn thành Kế hoạch Hành động Quốc gia và mở rộng các hoạt động quan trắc ở tỉnh Quảng Trị.

**Quy hoạch và quản lý nuôi trồng thủy sản:** Dự án đã hoàn thành điều tra nuôi trồng thủy sản toàn diện trên đầm phá Tam Giang - Cầu Hai bao gồm 19 xã còn lại chưa được điều tra trong đợt điều tra năm 2007 (tổng số xã đã điều tra là 32). Khảo sát điều tra ao nuôi trồng thủy sản trên cát đã hoàn thành và số liệu theo bảng hỏi đã được xử lý 50%, để cung cấp cơ sở dữ liệu tổng thể về nuôi trồng thủy sản cho tính sử dụng vào mục đích quy hoạch. Các đầu ra bao gồm bản đồ toàn diện và số liệu nuôi trồng thủy sản. Các bản đồ chuyên đề bao gồm 1) phân bố ao nuôi theo loại và theo tuổi ao, ii) phương pháp nuôi, iii) phân bố ao đang hoạt động, iv) số lượng mùa vụ, v) kỹ thuật cải tạo ao, vi) đặc điểm của hệ thống lấy nước và thải nước, vii) mật độ thả giống và dịch bệnh, viii) tổng năng suất và năng suất trung bình của ao và ix) đặc tính ao. Nhóm công tác IMOLA/SNNPTNT đã lồng ghép các thông tin và kiến nghị vào Quy hoạch Tổng thể NTTS, dự thảo văn bản này đã được hoàn chỉnh và trình Tỉnh phê duyệt.

**Thí điểm nuôi cá và nuôi ghép:** Dự án đã tiến hành một số công việc tư vấn nhằm tăng cường sản xuất thông qua nuôi cá nước ngọt và nước lợ với bốn mô hình NTTS được lựa chọn (trong số 10 mô hình). Thí điểm nuôi loài hai mảnh dự kiến thực hiện năm 2010 bị ngưng do hạn chế lịch mùa vụ (tri hoãn việc thực hiện) và do kiến nghị không rõ ràng của tư vấn về tính khả thi. Việc tăng cường nuôi hai mảnh ở một vùng ở cửa biển Tư Hiền (1.1 ha) sẽ được đánh giá lại để thực

hiện trong mùa vụ tới năm 2011. Các phương án sau đây đã được nghiên cứu: i) ương và nuôi cá chẽm, cá hồng, cá mú, cá trắm cỏ, cá trắm, cá dầy và cá rô phi; hiện nay hai CHNC đang ương cá giống nước ngọt, một CHNC đang ương cá chình, trong đó CHNC ương cá nước ngọt có tính bền vững về mặt tài chính. Sẽ sớm đánh giá tính hiệu quả mô hình ương cá chình. Hiện đang thiết kế và chuẩn bị thực hiện cơ sở ương cá giống một số loài này ở quy mô nhỏ ở các xã Quảng Công và Hải Dương và Cầu Hai (Lộc Điền và Lộc Trì). Hiện đang xem xét để tăng cường cơ sở hạ tầng ương cá cũng như mở rộng diện tích ao các loài cá nước ngọt ở Lộc Điền và Lộc Trì; hệ thống sản xuất thức ăn ở các mô hình này cũng đang được thiết kế để thực hiện trong mùa tới

**Bảo tồn môi trường:** Phương án quy hoạch để thực hiện bảo vệ và bảo tồn môi trường đã được xây dựng. Nội dung thực hiện chi tiết bao gồm xác định các vùng bảo tồn, phân ranh giới bản đồ, giao cho các ban quản lý phụ trách (các Chi hội Nghề cá), thiết kế các quy định quản lý và thực hiện việc bảo vệ bãi giống bãi đẻ ở các khu vực bãi triều, khu vực bãi triều cạn ở vùng Lộc Bình, mở rộng ra phía tây Cầu Hai, vùng rong câu ở Vinh Hiền, vùng rừng ngập mặn còn sót lại Rú Chá (Hương Phong) và một số khu vực rong câu ở đầm phá huyện Hương Trà. Các biện pháp bảo tồn ở các khu vực này đã và đang được thực hiện. Kế hoạch quản lý huyện Hương Trà đang hoàn chỉnh để phê duyệt: cụ thể là vùng thủy sản ven bờ ở xã Hương Phong, kế hoạch quản lý tổng hợp sẽ lồng ghép việc trồng rừng ngập mặn, phát triển ao nuôi sinh thái, giảm hệ thống ao/nuôi chăn sáo ở các khu vực sinh thái nhạy cảm, tăng cường hình thành các vùng và hành lang sinh thái.

Việc đánh giá tổng quan tất cả các điểm bảo tồn tiềm năng ở Tam Giang – Cầu Hai đã được Viện Tài nguyên & Môi trường Biển Hải Phòng hoàn thành, trên cơ sở đó, một kế hoạch bảo tồn tổng thể đang được xây dựng, bao gồm đánh giá giá trị sinh thái của hệ sinh thái và môi sinh đầm phá Tam Giang – Cầu Hai trong đó có đánh giá xu hướng trong vòng 10-15 năm qua.

**Phổ biến kết quả dự án:** Việc phổ biến kinh nghiệm, bài học, kết quả của IMOLA, và khả năng phổ biến ra các nơi khác trong nước đã và đang được thực hiện một cách có hệ thống thông qua các bài báo, truyền hình, tin tức, phim tài liệu cũng như tham gia vào các hội nghị trong nước và quốc tế (ví dụ như Hội nghị của UNESCO ở Hội An, ngày 7-8 tháng 3 năm 2011). Các tỉnh (Bình Định và Khánh Hòa) đã bày tỏ sự quan tâm đến mô hình của IMOLA và một cuộc tham quan học hỏi đang được chuẩn bị. Chuyến thăm các khu vực ven biển khác (ví dụ Trà Vinh), khu vực có đặc điểm tương tự khu vực đầm phá Tam Giang Cầu Hai đã được tiến hành. Việc chuyển giao kinh nghiệm của IMOLA, phương pháp quy hoạch đang được thực hiện ở các cơ quan trung ương (Trung tâm Phát triển Nông thôn, thuộc Viện Chính sách Chiến lược Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, Bộ NNPTNT) nhằm hỗ trợ xây dựng chính sách mới và thử nghiệm các mô hình mới về phát triển nông thôn theo chính sách Tam Nông (nghị quyết 26, Ban Chấp Hành TW Đảng lần thứ 10, tháng 7/2008).

**Thực hiện đồng quản lý:** Dự án đã và đang hỗ trợ 22 Chi hội nghề cá (CHNC) cơ sở, tức khoảng một nửa các CHNC trong Tỉnh ở 7 xã và Tỉnh hội Nghề cá hướng đến đồng quản lý Đầm phá. Tất cả các chi hội nghề cá này đều đã có Điều lệ, Ban Chấp hành, danh sách hội viên, và được tỉnh hội nghề cá phê duyệt, tỷ lệ đại diện ngư dân ở địa bàn CHNC hoạt động là 75%. Để giúp các CHNC có thể quản lý đầm phá “theo khu vực”, trong kỳ vừa qua, Dự án đang chú trọng đến xác định và cắm mốc ranh giới giữa các CHNC và đang phân vùng, là cơ sở để giao quyền sử dụng mặt nước cho các CHNC địa phương và các hoạt động đồng quản lý trong tương lai. Việc xác định ranh giới đã hoàn thành với sự đồng thuận tối đa của các CHNC và UBND các xã và đã sẵn sàng cắm mốc phân ranh giới; các kế hoạch phân vùng dự thảo cho mỗi CHNC đã được chuẩn bị để thông qua và ban hành sớm. Dự án đã hoàn thành khung quy chế đồng quản lý vùng bảo vệ Rong câu ở Vinh Hiền và tích cực làm việc để tăng cường năng lực tài chính của các Chi hội Nghề cá, điều kiện tiên quyết đối với đồng quản lý hiệu quả. Dự thảo hướng dẫn thực hiện đồng quản lý nghề cá đang được hoàn chỉnh.

**Phát triển công nghệ và nâng cao năng lực:** Dự án liên tục cập nhật cơ sở dữ liệu mới (NTTS, khai thác thủy sản và vùng bảo vệ) vào cơ sở dữ liệu GIS và cải thiện phương pháp quản lý và nhập dữ liệu. Việc xây dựng các bản đồ chuyên đề đang được thực hiện. Các cán bộ Chi cục Nuôi trồng thủy sản của tỉnh đang tham gia vào việc thu thập và nhập số liệu, một phần của quá trình nâng cao năng lực (cụ thể là khảo sát điều tra ao nuôi trồng thủy sản trên cát đang được tiến hành trong hai tháng vừa qua).

Các cuộc tham quan học hỏi các cấp được thực hiện: ở cơ sở, các hội thảo chia sẻ kinh nghiệm và các mô hình trình diễn đã được tiến hành. Cơ hội chiết xuất cơ sở dữ liệu GIS cho các huyện và xã sẽ được thí điểm nhân rộng quá trình tham vấn ý kiến về việc sắp xếp ngư cụ cố định ở huyện Phú Lộc, khuyến khích các cán bộ xã và hội viên CHNC sử dụng bản đồ số hóa và GIS thực tế.

### **Mô tả các Đầu ra và Hoạt động**

Các đầu ra và hoạt động được mô tả theo cấu trúc của Khung Logic IMOLA II (đính kèm), khung logic này được điều chỉnh và lồng ghép vào Khung logic Dự án IMOLA I. Các đầu ra 1-4 đã hoàn thành trong giai đoạn 1, không liệt kê trong báo cáo này, xin xem trong các báo cáo sáu tháng trước. Các đầu ra 5-7 và các hoạt động liên quan được mô tả dưới đây.

**Đầu ra 5** nội dung là xây dựng Kế hoạch Quản lý Đầm phá Tổng hợp thông qua quá trình đối thoại và tham gia của người sử dụng tài nguyên và các bên liên quan, tăng cường điều phối để thực hiện kế hoạch. Các hoạt động hỗ trợ đầu ra này bao gồm hình thành KHQLĐPTH (hoạt động 5.1), chuẩn bị các tài liệu kỹ thuật và bản đồ chuyên đề (hoạt động 5.4) và xây dựng các kế hoạch phân vùng (hoạt động 5.5 và 5.6). Những hoạt động này đã hoàn thành và đang trong quá trình điều chỉnh; iv) hoàn chỉnh kế hoạch (hoạt động 5.2) và phê duyệt (Hoạt động 5.3) chưa hoàn thành, đáo hạn đến năm 2011; v) Quá trình tham vấn ý kiến (hoạt động 5.8) và phối hợp với các cơ quan (hoạt động 5.7) vẫn đang tiến hành.

Dự thảo KHQLĐPTH đã được chuẩn bị và đang được điều chỉnh dựa trên kết quả thực hiện thí điểm. Một tài liệu đi kèm với KHQLĐPTH, bao gồm các bản đồ chuyên đề đã được xây dựng và sẵn có. Kế hoạch phân vùng đầm phá đã được xây dựng cho các xã và huyện được lựa chọn, chiếm 65% diện tích khu vực đầm phá và kế hoạch phân vùng cho toàn bộ đầm phá sẽ được chuẩn bị trong kỳ tiếp theo. Cơ chế điều phối ở tỉnh để quy hoạch và quản lý tổng hợp đầm phá được thiết lập và hoạt động (Ban Chỉ đạo dự án). Một cơ chế tham vấn về mặt khoa học/kỹ thuật để điều phối về chiều ngang: khuyến khích đại diện các bên tham gia thêm. Cơ chế tham vấn ý kiến các bên liên quan đầm phá cũng được xây dựng ở cấp huyện và cấp xã để điều phối về mặt chiều dọc: quá trình lấy ý kiến là một hoạt động thường xuyên.

KHQLĐPTH cuối cùng được xây dựng thông qua tham vấn ý kiến các bên liên quan sẽ hoàn thành vào cuối giai đoạn thí điểm (Giai đoạn II) và sau đó, sẽ trình UBND tỉnh để chính thức thông qua. Bốn đề xuất được chuẩn bị để hỗ trợ cho việc thực hiện KHQLĐPTH.

**Hoạt động 5.1** có nội dung soạn thảo Kế hoạch Quản lý Đầm phá Tổng hợp bằng phương pháp tham vấn, gồm có các đối tác cấp tỉnh- hoạt động này sẽ tiếp tục cho tới lúc hoàn tất. Công tác lấy ý kiến những vấn đề trọng yếu cụ thể (như giảm nỗ lực khai thác, tái quy hoạch Nuôi trồng Thủy sản, bảo vệ và bảo tồn, cấm chỉ các nghề phi pháp, không khai báo và không có quy định -IUU .v.v) là hoạt động thường xuyên ở cấp xã và huyện với việc mở rộng đối thoại chính sách lên cấp cao hơn (Tỉnh và Bộ), kết quả của hoạt động này sẽ là nền tảng để điều chỉnh và hoàn tất văn bản chính sách là KHQLĐPTH.

**Hoạt động 5.2** là soạn một văn bản kỹ thuật (bao gồm các bản đồ chuyên đề) hỗ trợ về mặt khoa học cho KHQLĐPTH đã làm xong và tài liệu này vẫn đang điều chỉnh cho hoàn chỉnh. Chúng tôi vẫn thường xuyên tập hợp dữ liệu cho các bản đồ chuyên đề hỗ trợ phân vùng.

**Hoạt động 5.3** là xây dựng kế hoạch phân vùng cho các xã lựa chọn bằng cách xác định các khu vực phù hợp cho Nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản, bảo tồn, khu vực giao thông thủy và các mục đích khác; hoạt động này đang tiến hành ở cấp huyện. Việc phân ranh giới (bằng tiêu bê tông) và phân vùng của các CHNC đã hoàn thành. Các kế hoạch phân vùng đang được hoàn chỉnh và điều chỉnh cho các xã và huyện được lựa chọn (Phú Lộc) với các vùng cụ thể (ví dụ vùng khai

thác, vùng bảo tồn, thủy lộ). Tái quy hoạch nuôi trồng thủy sản đã được Sở NNPTNT trình cấp tỉnh xem xét (chưa phê duyệt): dự án đóng góp kỹ thuật đã được đưa vào trong quy hoạch NTTS và một số kết quả đang được cho vào phân vùng, bao gồm xác định các khu vực phù hợp cho nuôi hai mảnh. Đã có các tiêu chí để xác định các khu vực bảo tồn; công tác xác định các khu vực nhạy cảm về mặt sinh thái để tái tạo/bảo tồn đã hoàn thành. Một cuộc đánh giá chung về những giá trị sinh thái của môi trường sống và sự biến mất của nó theo thời gian đã được thực hiện nhằm hỗ trợ nhà nước điều chỉnh về bảo tồn (hoạt động 6.3.1)

**Hoạt động 5.4** là xây dựng và thông qua kế hoạch phân vùng chung cho đầm phá; hoạt động này đang tiến hành. Công tác phân vùng mặt nước huyện Phú Lộc đã hoàn tất (khu vực chiếm 46 % mặt nước đầm phá). Các bên liên quan đã xác định, thảo luận và nhất trí những vấn đề trọng yếu; kế hoạch đã được UBND huyện và tỉnh chấp thuận. Công tác phân vùng tương tự ở huyện Hương Trà cũng đã hoàn chỉnh (khu vực chiếm 4% diện tích mặt nước) và một phần huyện Quảng Điền (Quảng Công, chiếm 6% diện tích mặt nước); công tác tham vấn ý kiến các bên là một hoạt động thường xuyên, được dự án tăng cường thông qua các hội thảo tham vấn ý kiến các bên liên quan thường xuyên. Công tác phân vùng sinh thái và bản đồ sử dụng đất tới năm 2007 của các vùng nuôi, vùng quản lý và vùng bán tự nhiên xung quanh mặt nước đã hoàn tất. Công tác phân vùng theo từng loại hình nghề (ngư nghiệp, nuôi thủy sản, và bảo tồn) và kế hoạch quản lý cho từng loại hình đang tiến hành. Mối quan hệ với với sở phụ trách phân vùng đới bờ (Sở TNMT) theo quyết định số 158/2007/QĐ-TTg<sup>1</sup> đã được thiết lập, các điều khoản về đóng góp của IMOLA vào kế hoạch phân vùng này đang được xây dựng. Việc xây dựng kế hoạch phân vùng chung cho đầm phá sẽ hoàn thành vào cuối dự án năm 2011.

**Hoạt động 5.5.** là hỗ trợ điều phối giữa các cơ quan của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm các bên liên quan chính đến đầm phá và quản lý bờ, hoạt động này là một hoạt động thường xuyên được tỉnh tăng cường thông qua Ban Quản lý Dự án và Ban Chỉ đạo Dự án. Trong giai đoạn này, công tác liên kết đã mở rộng ra tới Bộ NN&PTNT (Viện Chính Sách và Chiến Lược Phát Triển Nông Thôn- IPSARD, và Trung Tâm Phát Triển Nông Thôn- RUDEC), nhờ sự liên kết này chúng tôi hi vọng sẽ đưa kinh nghiệm dự án lên tầm quốc gia và góp phần vào công tác thực hiện Nghị Quyết Tam Nông của Ban Chấp Hành Trung Ương. Chúng tôi đã kí Thư Thỏa Thuận để trợ giúp các hoạt động chung, Biên Bản Ghi Nhớ cũng đã kí để định vai trò và trách nhiệm của các bên tham gia. Công tác phối hợp với Bộ NN&PTNT (Cục KH&BVNL) sẽ củng cố việc quản lý năng lực khai thác và tổ chức hội nghị quốc tế (tháng 5 năm 2010). Đối thoại với các tổ chức phi chính phủ quốc tế và cơ quan chính phủ thuộc các nước trong vùng (Malaysia, Cambodia, Philippines) cũng được thực hiện để đưa tầm nhìn quốc tế vào cuộc. Văn phòng FAO quốc gia đã đồng ý tài trợ cho một chương trình hợp tác kỹ thuật để hỗ trợ các nỗ lực phối hợp về vấn đề tăng cường quản lý năng lực khai thác ở Việt Nam.

**Hoạt động 5.6** là quá trình lấy ý kiến với các sở chuyên môn của tỉnh, các đối tác, chính quyền huyện và xã, các bên liên quan và các nhóm tập trung cụ thể về chiến lược triển khai KHQLĐPTH. Các phiên lấy kiến đang được tiến hành: những phiên thực hiện trong kì báo cáo này là để hoàn tất điều chỉnh quy hoạch nuôi thủy sản và đóng góp kỹ thuật (các bản đồ GIS) cho các quyết định liên quan tới nuôi thủy sản để hỗ trợ các quyết định. Trong kì báo cáo này, chúng tôi đã tham vấn ý kiến một cách có hệ thống với các huyện Phú Lộc, Hương Trà và Quảng Điền về công tác sắp xếp ngư cụ cố định và thành lập một số vùng bảo vệ đã chọn ở các khu vực môi trường sống của đầm phá, hoạt động này tiến hành có hệ thống và có nhiều đối tác tham gia, có các cơ quan tỉnh mà chủ yếu là các Chi hội Nghề cá và các cơ quan của tỉnh. Các phiên tham vấn ý kiến là một hoạt động thường xuyên được dự án thúc đẩy.

**Hoạt động 5.7** là soạn lại KHQLĐPTH dựa trên phản hồi từ các phiên tham vấn với các huyện, xã và kiến nghị từ các bên liên quan (Hoạt động 5.6), dự kiến thực hiện trong năm 2011, năm cuối cùng của IMOLA giai đoạn II (2010-2011).

**Hoạt động 5.8** là chuẩn bị cho UBND tỉnh Phê duyệt KHQLĐPTH dự kiến trong năm 2011, năm

<sup>1</sup> Quyết định số 158/2007/QĐ-TTg, ngày 9 tháng 10 năm 2007, phê duyệt chương trình quản lý tổng hợp dài ven biển vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải trung bộ đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

cuối của IMOLA giai đoạn II (2011).

**Hoạt động 5.9** là xây dựng đề xuất cho các hoạt động tiếp nối, hỗ trợ thực hiện KHQLĐPTH; hoạt động này đang tiến hành nhờ một dự án hợp tác phi tập trung của FAO, phối hợp với FAO Trung Ương và Vùng Veneto, Hiệp hội Đồng bằng Châu thổ sông Po sông Adige và Quỹ Ca' Vendramin. Văn kiện Dự Án Hợp Tác Phi Tập Trung được khởi động và ngân quỹ đã được phân bổ. Một Dự Án Hợp Tác Phi Tập Trung khác, có mục tiêu là dùng nghề nuôi thủy sản để hạn chế việc trẻ lao động sớm và phải di cư lao động, hiện đang được thực hiện trong giai đoạn này. Một dự án hợp tác kỹ thuật khác đã được hình thành để hỗ trợ các hoạt động của Cục KT&BVNL thuộc Bộ NN&PTNT về vấn đề liên quan đến quản lý năng lực khai thác của quốc gia, dự án này do Ban Kinh Tế và Quy Hoạch Nghề Cá (FIEP) của FAO Trung Ương tài trợ. Hoạt động này đã hoàn thành.

**Đầu ra 6** Đầu ra này liên quan đến việc tăng cường thực hiện KHQLĐPTH thông qua các chương trình thí điểm: đầu ra này chia thành các tiêu đầu ra theo từng lĩnh vực cụ thể. Hầu hết các hoạt động đã hoàn thành hoặc đang tiến hành.

**Tiểu đầu ra 6.1** Liên quan đến thực hiện đồng quản lý nghề cá ở ít nhất sáu xã thông qua hỗ trợ tổ chức cho các Chi hội Nghề cá (CHNC), tổ chức thể chế và thực hiện các đánh giá liên quan. Tỉnh hội Nghề cá được thành lập và hoạt động nhờ sự hỗ trợ về mặt tổ chức và kỹ thuật của dự án. Tỉnh hội có chức năng hỗ trợ cho các CHNC thành viên. Tất cả các CHNC (22 trong số 22 CHNC do IMOLA hỗ trợ) đều có Ban Chấp Hành, điều lệ, Ban Quản lý, danh sách hội viên và các quy chế quản lý đã được thông qua nhằm đảm bảo đồng quản lý hiệu quả phục vụ cho việc sử dụng bền vững nguồn lợi. Tất cả 22 CHNC đều đã được Tỉnh hội Nghề cá ra quyết định thành lập. 16 CHNC trong tổng số 22 CHNC (chiếm 73%) đều có tỷ lệ đại diện ngư dân trên 80%, trong khi tất cả 22 CHNC đều có tỷ lệ đại diện ngư dân trên 75%. Phụ nữ tham gia vào các hoạt động của Chi hội Nghề cá dao động từ khoảng 10-20%. 20 CHNC trong tổng số 22 (91%) CHNC đều có quy chế quản lý nguồn lợi. 22 CHNC trong tổng số 22 CHNC (chiếm 100%) đã hoàn thành kế hoạch phân vùng. 6 trong số 22 CHNC (chiếm 30%) đã được giao quyền khai thác thủy sản, đồng thời ở các CHNC còn lại (9 trong tổng số 22) cũng đã hoàn chỉnh hoặc đang hoàn chỉnh hồ sơ. Ở tất cả 8 xã mục tiêu của dự án (100%) đều đã có ban đồng quản lý đàm phá.

Tác động của việc khai thác thủy sản, đã giảm sau kế hoạch tái sắp xếp lần đầu vào năm 2007, hiện đang được đánh giá lại sau đợt sắp xếp thứ hai trong năm 2010, 16 trong tổng số 18 CHNC khai thác thủy sản hoặc CHNC hoạt động chung (chiếm 89%) đã thực hiện một số hoạt động nhằm giảm áp lực khai thác và sắp xếp/giải tỏa ngư cụ cố định hiện được thực hiện ở Phú Lộc (2010) và Huyện Hương Trà (2011) với sự hỗ trợ kỹ thuật từ dự án IMOLA. Chính quyền chức năng đã phê duyệt kế hoạch sắp xếp ở Phú Lộc để thực hiện và đang chuẩn bị để phê duyệt ở huyện Hương Trà.

Chúng tôi đã xác định một số khả năng mưu sinh thay thế (ví dụ như ương cá, sản xuất thức ăn thủy sản, nuôi hai mảnh.v.v...) và tổng hợp báo cáo. Nghiên cứu tính chọn lọc ngư cụ lần thứ hai và nghiên cứu kinh tế xã hội về cỡ mắt lưới lớn hơn đã được tiến hành vào giữa cuối năm 2010, dự kiến sẽ tổ chức một hội thảo cấp tỉnh về nội dung này vào đầu 2011.

**Tiểu đầu ra 6.1** có 9 hoạt động cụ thể, được liệt kê và báo cáo như sau.

**Hoạt động 6.1.1** có mục đích tăng cường và củng cố các Chi hội nghề cá cơ sở (CHNC) bằng cách vận động, hỗ trợ về mặt tài chính và tổ chức, nâng cao năng lực và hỗ trợ kỹ thuật khác. Hoạt động này đã triển khai bằng nhiều sự hỗ trợ liên tục cho các CHNC và hoàn thành. Tất cả hai mươi hai CHNC đều đáp ứng được mọi yêu cầu của chỉ số thứ nhất (các văn bản của Chi hội Nghề cá gồm điều lệ, danh sách BCH, danh sách hội viên, quyết định thành lập của Hội Nghề Cá Tỉnh). Mức đại diện ngư dân 80% (chỉ số thứ hai), nhìn chung các CHNC đều thỏa mãn (73%) , nhưng tất cả các CHNC (22 trong tổng số 22) đều có tỷ lệ đại diện ngư dân trên 75%. Trong năm 2010-11, chúng tôi không định mở rộng nhóm mục tiêu. Hỗ trợ cho Ban Chấp Hành CHNC đã được thực hiện một cách có hệ thống trong kỳ báo cáo, tuy nhiên, việc này cũng cần rút lui ngay khi các Chi hội tự chủ về kinh tế để BCH tiếp tục chức năng của mình. Tự chủ về mặt kinh tế được đảm

bảo Thông qua việc các hội viên CHNC đóng phí.

**Hoạt động 6.1.2** có nội dung xây dựng và thực hiện các kế hoạch phân vùng cấp CHNC, đi kèm với kế hoạch và chiến lược quản lý nguồn lợi đầm phá. Hoạt động này đã hoàn thành. Các chiến lược và kế hoạch quản lý tài nguyên đều đã soạn xong cho các CHNC 20 trong tổng số 20, chiếm 100%, những sản phẩm này đến cuối sẽ đưa vào kế hoạch phân vùng và các quy chế liên quan. Các kế hoạch phân vùng cho tất cả các CHNC đều đã hoàn thành (20 trong tổng số 20 CHNC, 100%). Các hội thảo phân vùng đã được tổ chức ở tất cả 8 xã do dự án hỗ trợ, với sự hậu thuẫn của huyện.

**Hoạt động 6.1.3** thiết lập các ban đồng quản lý, xây dựng các văn bản hướng dẫn đồng quản lý giúp các Chi hội Nghề cá tham gia vào đồng quản lý, hoạt động này đã hoàn thành (8 xã). Chúng tôi đã hoàn thành xây dựng văn bản hướng dẫn để tổng hợp phương pháp hỗ trợ cho hoạt động 7.6. Việc chính thức thành lập các ban đồng quản lý là cần thiết cho việc giao quyền khai thác thủy sản, thủ tục này đã hoàn chỉnh cho sáu CHNC, và chuẩn bị và gần hoàn chỉnh trong thời gian sớm và các xã mục tiêu còn lại trong kỳ báo cáo tiếp theo. Thỏa thuận đồng bảo lý bao gồm một số hướng dẫn xác định rõ ràng trách nhiệm điều phối giữa các bên. Hướng dẫn chi tiết đồng quản lý sẽ được chuẩn bị trong hoạt động 7.6.

**Hoạt động 6.1.4** là giúp Hội Nghề Cá Tỉnh hỗ trợ cho các Chi hội Nghề cá địa phương, hoạt động này đã hoàn thành. Sẽ tiếp tục hỗ trợ cho Tỉnh hội Nghề cá nhằm hỗ trợ cho các CHNC còn lại để xin giao quyền khai thác thủy sản. Sẽ xem xét ký hợp đồng thứ hai với tỉnh hội nghề cá và hợp đồng tư vấn bổ sung cho chủ tịch Tỉnh hội Nghề cá sau khi có nguồn vốn bổ sung để có thể hoàn chỉnh các hoạt động liên quan đến đồng quản lý trong năm 2011. Tỉnh hội Nghề cá đã hỗ trợ tích cực cho một số CHNC địa phương theo hợp đồng cũng như ngoài hợp đồng. So với năm 2005, vai trò và sự hỗ trợ của chi hội đối với cơ sở có cải thiện đáng kể.

**Hoạt động 6.1.5** hỗ trợ công tác giao quyền khai thác thủy sản cho các Chi hội Nghề cá, hoạt động này vẫn đang tiến hành: trong hai mươi hai CHNC thì có 06 CHNC đã nhận quyền khai thác (30%), 04 CHNC đang hoàn thành thủ tục (các hồ sơ đang được huyện thẩm định là Thượng Tây, Vinh Trị, Hương Giang, Đông Hòa, 4 Hồ sơ của Vinh Hiền) và 4 hồ sơ sẽ được trình huyện sớm (4 CHNC Lộc Điền). Mục tiêu của chúng tôi là giúp cho mười hai CHNC nhận được quyền khai thác trong kì báo cáo tiếp sau, đáp ứng được yêu cầu nêu ra trong chỉ tiêu số 6. Văn bản hướng dẫn xin cấp quyền khai thác đã hoàn thành để đóng góp cho hoạt động 7.6.

**Hoạt động 6.1.6** xác định, phê duyệt và hỗ trợ thực hiện các biện pháp giảm nỗ lực khai thác ở đầm phá của các CHNC đã hoàn thành công tác chuẩn bị; các phương án quy hoạch đang thực hiện. Kế hoạch sắp xếp ngư cụ cố định (sẽ giảm số lượng ngư cụ trung bình khoảng 38%) được thực hiện ở Huyện Phú Lộc (sau các phiên tham vấn đã tiến hành ở cấp xã và CHNC) và thực hiện ở Hương Trà trong kỳ báo cáo tiếp theo. Kế hoạch của Phú Lộc được chuẩn bị với sự hỗ trợ của IMOLA và UBND tỉnh phê duyệt và phân bổ ngân sách; Hương Trà cũng đã hoàn chỉnh quy hoạch cuối cùng với sự hỗ trợ của IMOLA và hiện đang tham vấn các phòng ban của huyện để trình Sở NNPTNT và UBND tỉnh trong thời gian tới. Công tác giảm lượng ngư cụ di động (chủ yếu là lù) cũng đang được thảo luận tại huyện. Trong các kế hoạch phân vùng đều có vùng cho từng loại ngư cụ và vùng dành cho bảo vệ cụ thể. Kích thước mắt lưới nào thích hợp thì chúng tôi đang nghiên cứu trong hoạt động 6.1.9, và sẽ đưa vào triển khai trong kỳ báo cáo tiếp theo, đây được xem là một phần trong kế hoạch sắp xếp ngư cụ. 16 trong số 18 (89%) các CHNC KTTS hoặc CHNC hoạt động chung đều tích cực thực hiện các hoạt động nhằm giảm áp lực khai thác trong kỳ báo cáo vừa qua: Có thể dựa vào kết quả triển khai sắp xếp ngư cụ, giảm ngư cụ theo kế hoạch phân vùng, tăng kích thước mắt lưới, thành lập vùng bảo vệ và áp dụng các biện pháp giảm tiếp cận khai thác và giám sát kiểm soát hiệu quả nhằm đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu số 7. Chỉ tiêu số 7 có thể đánh giá so với việc thực hiện sắp xếp. – hai huyện chiếm 16/18 (83%) CHNC Khai thác Thủy sản.

**Hoạt động 6.1.7** là nghiên cứu xã hội học về các hộ vạ đò để xác định các vấn đề mưu sinh (liên quan đến chương trình tái định cư của nhà nước, các hoạt động khai thác thủy sản trái quy định, và mức độ tham gia vào các Chi hội Nghề cá) và đảm bảo sự hòa nhập xã hội của họ. Hoạt động này

đã hoàn thành. Tiêu điểm của nghiên cứu này được chuyển từ những hộ đánh cá sống trên đò, sau chuyển sang những hộ đánh cá không có tham gia hoặc ít tham gia trong các Chi hội Nghề cá. Đề xuất của nghiên cứu này chúng tôi đã thực hiện, để tăng số lượng đại diện của các hộ ngư dân thiệt thòi này trong các Chi hội Nghề cá. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này các kiến nghị về sinh kế thay thế (chỉ tiêu số 9) là chưa rõ ràng. Trường Đại học Rome La Sapienza đã thực hiện hợp phần nghiên cứu thứ hai để đưa ra vấn đề dân thủy điện (gồm cả định cư và chưa định cư). Báo cáo sẽ được đưa ra trong kỳ báo cáo tiếp theo.

**Hoạt động 6.1.8** có nội dung là tiến hành đánh giá năng lực khai thác để tìm hiểu thực trạng nguồn lợi thủy sản ở đầm phá và biển ở Thừa Thiên Huế và các tỉnh lân cận (Quảng Nam, Đà Nẵng và Quảng Trị). Hoạt động này đã hoàn thành. Quan trắc sản lượng đã tiến hành ở Nha Trang, với sự tham gia của các chuyên gia của Đại Học Nha Trang; phương pháp này có thể được nhân ra thực hiện ở Thừa Thiên Huế và Quảng Trị, nhưng còn phụ thuộc vào ngân sách của dự án và đóng góp ngân sách của các dự án khác. Hiện các báo cáo tổng kết đã có.

Hội nghị Quốc tế về Tăng cường Quản lý Năng lực Khai thác Thủy sản của Việt Nam đã hoàn thành diễn ra trong các ngày từ 20-23 tháng 5 năm 2010, do FAO, Bộ NNPTNT đồng tổ chức với sự tham gia của các cơ quan quản lý thủy sản trung ương và đại diện các nước trong khu vực cũng như các tổ chức phi chính phủ khác. Kinh phí tổ chức hội nghị do FAO tài trợ.

**Hoạt động 6.1.9** là đánh giá cỡ mắt lưới phù hợp cho các loại ngư cụ lần thứ hai nhằm giảm áp lực khai thác cá nhỏ trên đầm phá, hoạt động này đã hoàn thành. Báo cáo kinh tế xã hội về tăng cỡ mắt lưới cũng đã được tư vấn trong nước thực hiện. Cả hai báo cáo liên quan đến mắt lưới cũng đã được trình cho IMOLA. Dự kiến sẽ tổ chức một hội thảo cấp tỉnh về tăng cỡ mắt lưới vào năm 2011.

**Tiểu đầu ra 6.2** có nội dung là dùng các mô hình nuôi thủy sản để xây dựng, tăng cường và thử nghiệm các hình thức nuôi trồng thủy sản chuyên nghiệp/bền vững. Tất cả các hoạt động đã hoàn thành công tác chuẩn bị, đã có các đầu ra là đánh giá tính khả thi. Bốn mô hình thí điểm NTTS đã được thực hiện (1, nuôi cá rô phi đơn tính trong ao nuôi tôm bỏ hoang; 2, nuôi ghép tôm sú và cá diạ; 3 thí điểm nuôi lồng cá nước lợ cá hồng và cá chêm, 4 thí điểm sử dụng chế phẩm sinh học trong ao nuôi tôm). Dự án đã tổ chức sáu hội thảo chia sẻ kinh nghiệm với sự tham gia của 235 ngư dân. Tất cả các mô hình thí điểm NTTS đã hoàn thành thành công, các báo cáo cũng đã có. Với những mô hình thí điểm này, các mô hình nuôi ghép tổng hợp dần dần được giới thiệu, việc thực hiện có phần bị hạn chế do phụ thuộc vào lịch mùa vụ. Hiện dự án đang xây dựng mô hình sản xuất giống cá nhằm hỗ trợ NTTS và giảm việc khai thác cá con quá mức, hoạt động này nhằm hỗ trợ mưu sinh cho các hộ ngư dân sống ven phá: hai CHNC hiện đang ương giống cá nước ngọt, hoạt động này nhằm giúp CHNC có vốn để hoạt động; một CHNC hiện đang ương cá chình thành công trong mùa hè-thu năm 2010, Các mô hình nuôi hai mảnh dự kiến thực hiện ở Lộc Bình và Vinh Hiền bị trì hoãn do cần kiểm chứng thêm các thông số về môi trường trong mùa tới năm 2011. Các tiêu chuẩn quản lý và nuôi tôm như BMP và GAP hiện đang thực hiện ở một xã thí điểm (Quảng Công), với những kết quả khả quan theo báo cáo của đợt thu hoạch hiện nay: mục tiêu hoạt động này là nhằm tăng cường sản xuất an toàn, tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế, cải thiện khả năng tiếp thị và giảm ô nhiễm ở các vùng có ao xử lý nước thải. Dự kiến sẽ tổ chức một hội thảo cấp tỉnh về các mô hình thí điểm NTTS vào kỳ báo cáo tới.

**Tiểu đầu ra 6.2** gồm bốn hoạt động cụ thể được liệt kê và báo cáo như sau:

**Hoạt động 6.2.1** thí điểm nuôi ghép cá tổng hợp đã hoàn thành. Bốn mô hình thí điểm trong số 10 mô hình đã triển khai, đây không hẳn là các mô hình nuôi ghép hoàn toàn, mà là những mô hình nuôi loài nuôi mới để giảm ô nhiễm hữu cơ của nước phá và thí nghiệm những phương thức nuôi thủy sản ổn định hơn. Mười mô hình đề xuất thì có bốn đã triển khai (rô phi đơn tính, nuôi lồng cá hồng và cá vược, dùng chế phẩm sinh học nuôi tôm sú, nuôi ghép tôm sú và cá diạ); Dự án đã tổ chức ba hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về kết quả mô hình thí điểm này. Chương trình hội thảo đã được xây dựng để tổ chức vào cuối mùa xuân năm 2011. Sáu mô hình còn lại không thể tiến hành do thiếu ngân sách.

**Hoạt động 6.2.2** thử nghiệm nuôi loài hai mảnh vỏ ở hai xã ở cửa biển đầm phá đang chuẩn bị

thực hiện. Dự án có một nghiên cứu đánh giá tính khả thi của mô hình này, đã hoàn tất và có báo cáo của Ông Thiết (Viện Nghiên cứu NTTS 1). Việc thực hiện mô hình nuôi ở Lộc Bình và Vinh Hiền dự kiến sẽ hoàn thành chỉ tiêu số 4, nhưng không thể thực hiện do thời gian hạn chế vào cuối giai đoạn II. Chúng tôi dự định thực hiện ở hai xã cửa biển hai mô hình nuôi hai mảnh (hàu và vẹm cho Lộc Bình và Vinh Hiền), hiện đang đánh giá tính phù hợp của các thông số lý hóa, và nếu phù hợp sẽ lên kế hoạch thực hiện trong kỳ báo cáo tiếp theo (ví dụ ngao Bến Tre, ngao đầu (Meretrix meretrix), và ngán (*Tapes philippinarum*), hàu Thái Bình Dương), nuôi ở cửa biển. Những vấn đề khác như thị trường, chế biến sau thu hoạch, và khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế chúng tôi cũng có đánh giá, nhưng thị trường trong nước vẫn là mục tiêu ưu tiên.

**Hoạt động 6.2.3** là nghiên cứu khả năng cải thiện kỹ thuật ao nuôi tôm nhằm giảm lượng chất ô nhiễm. Hoạt động này đang tiến hành ở hệ thống cao triều Quảng Công, huyện Quảng Điền. Việc phân tích tình hình về BMP/GAP đã được một tư vấn quốc tế (Flavio Corsin) tiến hành. Nội dung của hoạt động này đã được chúng tôi mở rộng ra để đưa những tiêu chuẩn quản lý và phương pháp nuôi tiêu chuẩn (như BMP và GAP) vào trong chương trình cải thiện kỹ thuật nuôi. Mục đích của việc này là để sản xuất an toàn hơn, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường và bớt tác động của ao nuôi lên môi trường nước về lâu dài. Chúng tôi đã tập huấn cho Chi Hội Nuôi Tôm Cao Triều Quảng Công về BMP và GAP, cung cấp và lắp đặt thiết bị bơm nước ngọt cho chi hội; chúng tôi cũng thử kiểm tra độ an toàn của các sản phẩm tôm mua ở các siêu thị Huế (tháng 1 & tháng 2 năm 2010) để đánh giá điều kiện thị trường ở Huế và tiềm năng cạnh tranh thị trường của các sản phẩm nghề cá Tam Giang. Trong kì báo cáo tiếp theo, dự án cũng lên kế hoạch hỗ trợ Chi hội Nghề cá kiểm tra chất lượng con giống và tìm kiếm thị trường cho sản phẩm của họ.

**Hoạt động 6.2.4** thiết lập thí điểm cơ sở ương giống cá nước ngọt quy mô nhỏ và sản xuất thức ăn cá do các Chi hội Nghề cá quản lý, hoạt động này đang triển khai. Nghiên cứu khả thi đã hoàn tất và có báo cáo. Chúng tôi đã thiết lập hai cơ sở ương giống cá thí điểm ở Lộc Trì và Lộc Điền. Một cơ sở ương giống khác, ương cá chình đã được xây dựng ở Lộc Bình, và hiện đang đánh giá hiệu quả kinh tế. Việc xây dựng thêm cơ sở ương giống cá nước ngọt và nước lợ hiện đang bị ngưng và sẽ xem xét nếu có nguồn vốn bổ sung. Muốn cho người nuôi giảm việc sử dụng cá tạp, dự án cũng đánh giá tính khả thi của việc sản xuất thức ăn quy mô nhỏ và dự kiến sẽ thực hiện thí điểm trong kỳ báo cáo tiếp theo. Hoạt động nghiên cứu việc người dân sử dụng cá tạp và khả năng thay thế bằng việc sử dụng những loại thức ăn khác ở Thừa Thiên Huế đã được chuẩn bị cho việc thực hiện và trì hoãn đến kỳ báo cáo tiếp theo.

**Tiểu đầu ra 6.3** có nội dung là quan trắc môi trường đầm phá, bao gồm thực hiện thí điểm các biện pháp bảo vệ môi trường và các hoạt động tái tạo các khu vực đầm phá được lựa chọn. Tất cả các hoạt động hỗ trợ đã hoàn thành giai đoạn chuẩn bị. Hoạt động nghiên cứu thủy học (bao gồm đo độ sâu, đo thủy triều và dòng chảy) đã hoàn thành, và báo cáo đã có. Công ty tư vấn Te.Ma đã đưa ra các kết quả rõ ràng về dòng chảy và độ sâu đầm phá. Chúng tôi đã xác định các khu vực tái tạo điều kiện tự nhiên ở khu vực rừng ngập mặn còn sót lại ở xã Hương Phong: khu vực này đã được nghiên cứu, quan trắc và quy hoạch. Một tiểu dự án về trồng các loài cây ngập mặn ở khu vực này đã hoàn thành. Kế hoạch tái tạo điều kiện tự nhiên vùng Rú Chá (xã Hương Phong) đã lấy ý kiến và hiện đang lồng ghép vào kế hoạch quản lý tổng hợp của huyện: dự kiến các xã tiếp nhận sẽ thông qua sau khi hoàn thành nghiên cứu khả thi.

Hoạt động liên quan đến việc xây dựng một chương trình quan trắc môi trường sử dụng công cụ cho tỉnh đã được đánh giá và đề xuất ngưng do ngân sách hạn chế.

Tiểu đầu ra 6.3 có ba hoạt động cụ thể như sau.

**Hoạt động 6.3.1** phục hồi môi trường thủy sinh đang bị đe dọa (rừng ngập nước tự nhiên ở khu vực bãi triều cạn) đã được thực hiện. Đầu năm 2010, Viện Tài nguyên Môi trường Biển Hải Phòng đã tiến hành khảo sát tổng thể các vùng môi sinh đang bị đe dọa ở đầm phá (chủ yếu là các bãi cỏ biển); dựa vào phân tích số liệu thứ cấp của viện này, chúng tôi đã cho đánh giá lại các giá trị sinh thái và các giá trị bị tổn thất; đi cùng với đánh giá này là thuyết minh cho công tác bảo vệ. Theo kết quả nghiên cứu trước của IMOLA và Viện TNMTB thì có tất cả 9 điểm xác định cần bảo vệ.

Và nghiên cứu về khu vực bảo vệ đầm phá đã được Viện TNMTB thực hiện vào đầu năm 2010 và đã có báo cáo tổng kết. Những bãi cạn ở Lộc Bình cũng được đánh giá và ưu tiên đưa vào vùng bảo vệ của Tỉnh.

Nghiên cứu khả thi về khả năng tái tạo dải đất ngập nước ở cửa sông Hương (Rú Chá, Xã Hương Phong) đã hoàn thành (theo hợp đồng với Chi Cục Kiểm Lâm thuộc Sở NN&PTNT), Dự án đã có báo cáo. Trong kỳ báo cáo tiếp theo, bước thực hiện lập kế hoạch khu vực Rú Chá Hương Phong và môi trường thủy sản xung quanh (bao gồm nuôi ao và nuôi chắn sáo) đã được tiến hành nhằm tìm hiểu các phương án quy hoạch có thể thực hiện trong thời gian trung hạn và dài hạn (Giữa năm 2010, phân vùng thí điểm Rú Chá đã được chuẩn bị và đề xuất cho UBND xã Hương Phong thông qua một nhóm thực tập sinh). Kết quả lập kế hoạch đã lấy ý kiến cấp xã và huyện để lồng ghép và kế hoạch phân vùng của huyện, kế hoạch này sẽ lấy ý kiến thêm.

Hiện dự án đang triển khai một tiểu dự án trồng rừng ngập mặn, nhằm mục đích mở rộng mảnh rừng còn sót lại và xây dựng ao nuôi sinh thái với việc phát triển thêm các cây con đã được thực hiện. Dự án IMOLA đã và đang hỗ trợ tái tạo với các loài ngập mặn (có báo cáo vườn ươm). 2320 cây con với 03 loài đã được trồng ở khu vực Rú Chá và trong ao nuôi trồng thủy sản ở Rú Chá, gồm các loài, đước, sù, và vẹt, và đang trong quá trình thử nghiệm.

**Hoạt động 6.3.2** là nghiên cứu khả năng phục hồi dòng lưu thông nước đầm phá, bằng cách kích hoạt và bình ổn cửa Tư Hiền, cũng như các nghiên cứu thủy học liên quan đã hoàn tất.

**Hoạt động 6.3.3** là hỗ trợ thực hiện chương trình quan trắc môi trường đầm phá; hoạt động này đã hủy theo quyết định của Hội Nghị Ba Bên lần IV (tháng 3 năm 2010), do ngân sách hạn chế.

**Tiểu đầu ra 6.4** là tạo và quản lý một cơ sở dữ liệu địa lý và nâng cao năng lực sử dụng các công cụ không gian phục vụ cho việc quản lý và quy hoạch đầm phá tổng hợp; Dự án cũng đã cố gắng giới thiệu công cụ GIS cho các sở và các phòng chuyên môn của huyện trong quá trình tham vấn ý kiến liên quan đến việc sắp xếp nò sáo ở đầm Cầu Hai (các phương án quy hoạch đã được thảo luận với việc sử dụng GIS). Việc giới thiệu GIS thực hành cho các xã và CHNC cũng có kết quả đáng khích lệ.

Cơ sở dữ liệu NTTS và KTTS cũng như các bản đồ chuyên đề đã được xây dựng. Các khóa học cơ bản về GIS đã được thực hiện cho 10 cán bộ trong tỉnh trong năm 2008 và 2010. Hơn 10 cán bộ xã có khả năng sử dụng GPS thông qua hướng dẫn của IMOLA trong quá trình thực hiện hoạt động. Dự án đã có cơ sở dữ liệu tổng thể về NTTS ở 31 xã có ao nuôi trên đầm phá, dữ liệu này đang được sử dụng phục vụ cho quy hoạch NTTS. Điều tra NTTS trên cát ở 12 xã đã hoàn thành trong kỳ báo cáo. Những cuộc điều tra và các số liệu liên quan này được xây dựng và đang được sử dụng, phục vụ cho việc quy hoạch NTTS ở cấp tỉnh, huyện, xã và CHNC. Cơ sở dữ liệu về KTTS (ngư cụ cố định) của hơn 11 xã ở huyện Phú Lộc và Hương Trà đã được xây dựng cho SNNPTNT và UBND sử dụng cho việc chuẩn bị cũng như thực hiện kế hoạch sắp xếp lại nò sáo. Cơ sở dữ liệu ban đầu về nuôi chắn sáo đã được dự án khởi tạo đối với khu vực Đầm Sam Chuồn (huyện Phú Vang).

Hoạt động đánh giá tính xung yếu lũ lụt và các bản đồ liên quan bị trì hoãn đến quý hai năm 2011 do hạn chế về ngân sách và vấn đề thời gian.

**Tiểu đầu ra 6.4** gồm 4 hoạt động dưới đây, được báo cáo như sau.

**Hoạt động 6.4.1** là tập huấn, tổ chức hội thảo và thông qua việc tham gia vào các hoạt động dự án để cải thiện năng lực GIS/GPS ở cấp tỉnh, huyện và xã. Hoạt động này là một hoạt động thường xuyên. Việc tập huấn đã được thực hiện trong quá trình hoạt động dự án cho các cán bộ xã và huyện về việc sử dụng máy GPS trong khi sắp xếp lại ngư cụ vào tháng 11 và tháng 12 năm 2010 cũng như điều tra NTTS. Tập huấn cụ thể chính thức sẽ được thực hiện cho các cán bộ về sử dụng GIS và GPS khi chuyển giao cơ sở dữ liệu địa lý cho cơ quan nhà nước được chỉ định vào cuối giai đoạn II của IMOLA.

Năm 2009, trong các đợt khảo sát ngư cụ và ao nuôi thủy sản, dự án đã hướng dẫn cách dùng máy GPS cho nhiều nhân viên xã và huyện. Trong kì báo cáo tiếp theo, dự án sẽ tổ chức một đợt tập huấn cho khoảng 30 nhân viên nhà nước sử dụng máy GPS và khoảng 10 nhà quản lý cấp tỉnh và huyện cách sử dụng phần mềm GIS, mục đích là để sau này chuyển giao có hiệu quả cơ sở dữ liệu

địa lí của dự án cho cơ quan quản lí (cần xác định cơ quan tiếp nhận). Những đợt tập huấn này sẽ do nhân viên dự án thực hiện.

**Hoạt động 6.4.2** là tạo cơ sở dữ liệu nuôi trồng thủy sản bao gồm cả ao nuôi thủy sản trên cát cho toàn bộ đầm phá, nhằm hỗ trợ và tạo thuận lợi cho công tác quy hoạch nuôi thủy sản ở các cấp khác nhau, hoạt động này đã hoàn thành. Kết quả điều tra đã được chia sẻ trong hội thảo về điều tra NTTS vào tháng 12 năm 2009. Hiện thông tin và dữ liệu đã được xử lý, các bản đồ chuyên đề NTTS đã được tạo dựng, lấy ý kiến các bên và phổ biến. Trong kỳ báo cáo này, dựa trên các thông tin dữ liệu về NTTS, sau khi trao đổi với phòng quy hoạch thuộc SNNPTNT phụ trách, các dữ liệu cũng như kiến nghị đã được đề xuất trong quá trình rà soát quy hoạch tổng thể về NTTS. Các bản đồ NTTS cũng được sử dụng cho việc quy hoạch NTTS ở cấp huyện và xã cũng như các mục đích khác ngoài NTTS (ví dụ như quy hoạch quản lý thiên tai). Việc lập bản đồ ban đầu về nuôi chần sáo ở Sam Chuồn cũng đã được tiến hành với hình ảnh vệ tinh có độ phân giải cao, trong khi đó thì công tác lập bản đồ toàn diện và khảo sát nuôi trồng thủy sản trên cát cũng đã hoàn thành.

**Hoạt động 6.4.3** là xây dựng cơ sở dữ liệu địa lí nghề cá ở các xã lựa chọn để hỗ trợ và tạo thuận lợi cho công tác quy hoạch nghề cá ở các cấp khác nhau. Hoạt động này đã hoàn tất ở đầm Cầu Hai (huyện Phú Lộc) và Tam Giang (huyện Hương Trà) và một phần phá thuộc huyện Quảng Điền), trên tổng số 11 xã, chiếm khoảng 56% tổng diện tích mặt nước đầm phá. Phần lớn ngư cụ cố định chúng tôi cho định vị lại một phần trong kỳ báo cáo này và dữ liệu hoàn chỉnh đã được nhập vào cơ sở dữ liệu của dự án. Dữ liệu này chúng tôi dùng cho công tác sắp xếp ngư cụ cố định ở hai huyện Phú Lộc và Hương Trà, cũng như chuẩn bị cho kế hoạch phân vùng của các CHNC của hai địa phương nói trên. Dự kiến trong năm 2011, sau khi sắp xếp sẽ bổ sung bản đồ và cập nhật cơ sở dữ liệu này để bổ sung cho hoạt động 6.1.6.

**Hoạt động 6.4.4** là xây dựng bản đồ GIS vùng dễ bị tổn thương lũ lụt (có các chỉ số về vùng dễ bị tổn thương lũ lụt, thời gian phục hồi, cơ sở hạ tầng thoát nước và các cơ sở phòng chống lũ), hoạt động này bị ngưng do ngân sách hạn chế và phụ thuộc mùa. Hoạt động này bị trì hoãn sang giai đoạn III. Việc trì hoãn hoạt động này trong giai đoạn II đã được báo cáo tại hội nghị đánh giá ba bên lần thứ 4 diễn ra vào tháng 3 năm 2010. Việc thực hiện hoạt động này sẽ được bắt đầu ở một xã thí điểm trong kỳ báo cáo tiếp theo.

**ĐẦU RA 7.** Đầu ra này có nội dung là phổ biến kinh nghiệm của dự án trong lĩnh vực QHQLĐPTH trong nước và quốc tế và những khó khăn thực hiện công tác này. Những hoạt động quảng bá hỗ trợ trong Pha II của dự án hướng đến các cơ quan trung ương, mà chủ yếu là Bộ NNPTNT. Với việc tăng cường mạng lưới phối kết hợp, các cơ quan trong tỉnh đã đóng góp vào cơ sở dữ liệu của tỉnh (IMOLA). Các mô hình của IMOLA (đồng quản lý, phương pháp nuôi thay thế/chuyển đổi, quy hoạch khai thác và nuôi trồng thủy sản) sẽ được xúc tiến để thực hiện ở các tỉnh khác:

Các tỉnh Trà Vinh, Bình Định và Khánh Hòa đã có đề xuất học hỏi kinh nghiệm của IMOLA. Dự án đã được đề xuất là một phần thí điểm trong Nghị Quyết số 26 về Tam Nông ở khu vực ven biển của tỉnh Thừa Thiên Huế và kết quả đánh giá IMOLA trên tinh thần Tam Nông đã được giới thiệu.

Hiện nay, trang web của dự án thường xuyên được cập nhật với tất cả các nội dung được mong đợi, với 400 lượt truy cập/tháng. Tất cả các đầu ra của dự án đã và đang sẵn có thông qua trang web dự án, bao gồm các cẩm nang, tài liệu và bản đồ. Hơn 10 báo cáo đã được đăng tải và phổ biến (xem các báo cáo 6 tháng để biết thêm chi tiết) và 11 biên bản ghi nhớ đã được ký với các cơ quan để phối hợp hoạt động. Hội thảo kỹ thuật lần thứ 6 đã được tổ chức vào tháng 2/2011 với sự tham gia của 50 người/cuộc trong đó có các đại diện của các cơ quan trung ương; các đầu ra của IMOLA đã được ghi nhận và được BNNPTNT nghiên cứu trong khuôn khổ khái niệm Tam Nông. Các kinh nghiệm của dự án IMOLA đã được phổ biến tại 1 hội nghị (Hội nghị của UNESCO, diễn ra tại Hội An, ngày 7-8 tháng 3 năm 2011) và các cuộc họp trong nước và quốc tế. Hướng dẫn đổi mới với các hoạt động chính của IMOLA sẽ được chuẩn bị vào cuối giai đoạn kéo dài của IMOLA II.

Đầu ra 7 gồm có 6 hoạt động cụ thể được liệt kê và báo cáo như sau:

**Hoạt động 7.1** duy trì và cập nhật trang web dự án (trang web này lưu tài liệu dự án, tóm tắt các

hoạt động, báo cáo dự án, bản đồ, hình ảnh và các quy định liên quan, các đường dẫn và thông tin liên lạc). Đây là hoạt động thường xuyên và chúng tôi vẫn liên tục đăng tải nhiều tài liệu. Tổng số người truy cập độc lập trong kì báo cáo là 1421 (trung bình 177 người mỗi tháng). Với tổng số lượt truy cập là 1.883 (trung bình 229 lượt mỗi tháng).

**Hoạt động 7.2** phổ biến kết quả hoạt động của IMOLA bằng sách thông tin, văn bản hướng dẫn, tờ rơi và các loại tài liệu truyền thông khác. Hoạt động này vẫn tiếp tục. IMOLA đã xuất bản hơn 10 báo cáo. Trong kì báo cáo này chúng tôi không in tờ rơi nào. Tài liệu thông tin KHQLĐPTH đã thiết kế nhưng chưa in, chưa phân phát. Đài truyền hình trung ương và địa phương cũng thường làm một số video clip, phỏng vấn và phát sóng nhân dịp các sự kiện chính của dự án, những clip này cũng đã đăng trên trang web của dự án. Một chiến dịch quảng bá chính ở cấp Trung Ương thông qua đài truyền hình VTV và báo chí về kết quả của Dự án IMOLA và khả năng tương tác thực hiện trên tinh thần nghị quyết 26 về Tam Nông đã được xúc tiến trong kỳ dự án và bắt đầu vào tháng 11 năm 2010.

**Hoạt động 7.3** có nội dung củng cố mạng lưới và phối hợp với các cơ quan và dự án khác để chia sẻ thông tin/dữ liệu, kinh nghiệm và kỹ thuật/công nghệ; hoạt động này là một hoạt động thường xuyên. Việc chính thức hóa dự án Hợp tác Phi tập trung đang ở trong giai đoạn cuối, với triển vọng ngày bắt đầu là tháng 1/2011 do Vùng Veneto và Quỹ VendraMin, Ý tài trợ. Công tác phối kết hợp với Trung Tâm Phát Triển Nông Thôn (thuộc Viện Chính sách & Chiến Lược Nông nghiệp & Phát Triển Nông Thôn của Bộ NN&PTNT) đã hoàn thành trong kỳ báo cáo này, với việc tổ chức 02 hội thảo trong nước ngày 11 và 12 tháng 11, 2010 nhằm giới thiệu kết quả của dự án IMOLA trên tinh thần nghị quyết Tam Nông. Công tác kết nối với các cơ quan quản lý thủy sản trung ương thuộc BNNPTNT là một hoạt động thường xuyên liên quan đến việc đối thoại về vấn đề thừa năng lực khai thác và xây dựng một Kế hoạch Hành động Quốc gia về nghề cá cho Việt Nam. Hiện có mười Biên Bản Ghi Nhớ với các đơn vị cấp tỉnh và quốc gia đang triển khai, hỗ trợ cho hoạt động của dự án.

**Hoạt động 7.4** là tổ chức ít nhất hai hội thảo quốc gia để thảo luận các vấn đề liên quan KHQLĐPTH và thực hiện nó. Hai Hội thảo cấp quốc gia đã được tổ chức ở Huế vào ngày 11 và 12 tháng 11 năm 2010. Trong đó hội thảo thứ nhất bàn về kết quả của dự án IMOLA theo tinh thần nghị quyết 26 về Tam Nông và một hội thảo về triển vọng thực hiện Nghị Quyết Tam Nông ở Thừa Thiên Huế trong đó áp dụng kinh nghiệm của IMOLA. Hội thảo Kỹ thuật Lần thứ 6 của dự án IMOLA được tổ chức vào ngày 21/2/2011.

**Hoạt động 7.5** là tham gia và đóng góp tham luận tại các hội nghị trong nước và quốc tế để chia sẻ kinh nghiệm và những kết quả của dự án. Trong kỳ báo cáo này, Dự án đã trình bày tham luận trong các hội nghị sau: 1) Hội nghị của UNESCO về Khu dự trữ sinh quyển, tổ chức tại Hội An vào ngày 7 và 8 tháng 3 năm 2011.

**Hoạt động 7.6** là biên soạn và phân phát một số tài liệu hướng dẫn tóm tắt những điều cần thiết và các bước thực hiện đồng quản lý các hoạt động đầm phá và bài học về quản lý đầm phá tổng hợp. Hoạt động đã hoàn thành. Các văn bản hướng dẫn hiện đã hoàn thành liên quan đến các nội dung i) đồng quản lý nghề cá, ii) quy trình cấp quyền khai thác mặt nước để chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế sử dụng. Các nội dung hướng dẫn iii) tiến hành điều tra NTTS và quản lý và xử lý số liệu và hướng dẫn iv) ứng dụng GIS trong sắp xếp ngư cụ sẽ được chuẩn bị trong kỳ báo cáo tiếp theo.

<b>1. Danh sách cán bộ chuyên môn người nước ngoài và trong nước làm việc cho dự án trong kì báo cáo</b>			
Cán bộ Trong nước		Cán bộ Quốc tế	
Tên	Chức năng	Tên	Chức năng
Nguyễn Thị Thu Hương Phạm Thị Liên Hoa	Cán bộ Hành chính Trợ lý Dự án/phiên dịch	Massimo Sarti Baku Takahashi	Điều phối viên Điều phối hoạt động dự án
Lê Xuân Hoàng Bùi Đức Bé	Phiên dịch/CBCNTT Cán bộ Kỹ thuật Hợp phần KTXH – CHNC		
Võ Thị Như Sương	Cán bộ Kỹ thuật Hợp phần KTXH - CHNC		
Nguyễn Văn Ty	Cán bộ Kỹ thuật Hợp phần KTXH-CHNC		
Phạm Thị Kim Phụng	Cán bộ Kỹ thuật Hợp phần Tài nguyên thiên nhiên		
Đặng Nguyễn Duy Ngọc	Cán bộ Kỹ thuật Hợp phần Tài nguyên thiên nhiên		
Nguyễn Xuân Hiền	Tư vấn trong nước về kết nối mạng lưới, hỗ trợ tham vấn các bên liên quan		
Hoàng Việt Thắng	Tư vấn trong nước về chính sách kiêm cán bộ thông tin		
Chu Văn Công	Chuyên gia nuôi cá chình		
Nguyễn Văn Huy	Kỹ thuật viên tập huấn nuôi cá lồng nước lợ		
Trần Quang Khánh Vân	Kỹ thuật viên tập huấn nuôi ghép tôm sú và cá/chế phẩm sinh học		
Mai Văn Xi	Cán bộ về Giao quyền KTTS		
Phạm Ngọc Dũng	Trưởng nhóm, Vườn ươm cây ngập mặn Rú Chá		
Hoàng Công Tín	Thành viên nhóm Vườn ươm cây ngập mặn Rú Chá		
Lê Văn Minh	Thành viên nhóm Vườn ươm cây ngập mặn Rú Chá		

**2. Trang thiết bị nhận trong kì báo cáo**

- Không có

**3. Các hoạt động tập huấn trong suốt quá trình báo cáo: các chuyến công tác hợp tác, các chuyến tham quan học hỏi, đi thực địa, các hội thảo địa phương, v.v. (Vui lòng cho biết có bao nhiêu người tham gia tập huấn trong mỗi hoạt động)**

**Về NTTS:**

Tiêu đề	Ngày	Số người tham gia
Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về sử dụng chế phẩm sinh học trong ao nuôi tôm ở CHNC Thành Đạt và Thành Nhất	26/9/2010	52
Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về mô hình nuôi cá lồng nước lợ, nuôi ghép cá hồng và cá chêm ở CHNC Đông Hải, Lộc Trì	25/9/2010	29

**Về đồng quản lý nghề cá:**

Tiêu đề	Ngày	Số người tham gia
Đua ghe ở xã Lộc Bình	2/9/2010	2123
Đua ghe ở xã Vinh Hiền	30/8/2010	2570
Hội thảo về quy hoạch sắp xếp ngư cụ ở huyện Hương Trà	9/9/2010	31
Họp về sắp xếp nò sáo (phân vùng nò sáo, lựa chọn hộ) ở Vinh Hiền	14/9/2010	145
Họp lớn về phương án giao quyền khai thác thủy sản ở TT Phú Lộc	22/9/2010	127
Họp lớn về đăng ký ngư cụ ở CHNC Lộc Bình 1 và 2	29/9/2010	58
Họp sắp xếp nò sáo các CHNC và UBND xã Lộc Điền	20/10/2010	131
Họp sắp xếp nò sáo với CHNC và UBND TT Phú Lộc	23/10/2010	77
Họp sắp xếp nò sáo với CHNC Đông Hải và UBND Lộc Trì	24/10/2010	47
Họp sắp xếp nò sáo với CHNC Lê Thái Thiện và UBND xã Lộc Trì	24/10/2010	68
Họp tổng kết về sắp xếp nò sáo ở xã Lộc Bình	25/10/2010	122
Họp sắp xếp nò sáo CHNC và UBND xã Lộc Điền	3/11/2010	118
Hội thảo về Nghị quyết Nông nghiệp, Nông dân và Nông thôn và kinh nghiệm của Dự án IMOLA	11/11/2010	50
Hội thảo về hợp tác trong phát triển nông thôn mới	12/11/2010	73
Họp lớn về phương án giao quyền KTTS ở CHNC Hương Giang	13/11/2010	51
Họp lớn về phương án giao quyền KTTS ở CHNC Vĩnh Trị	23/11/2010	48
Họp lớn về phương án giao quyền KTTS ở CHNC Thượng Tây	27/11/2010	76
Họp với các hộ sắp xếp nò sáo ở Lộc Trì về định vị nò sáo	8/12/2010	112
Họp lớn về phương án giao quyền KTTS ở CHNC Thạch Sơn	19/12/2010	103
Họp lớn về phương án giao quyền KTTS ở CHNC Trung Lương	22/12/2010	159
Họp lớn về phương án giao quyền KTTS ở CHNC Miêu Nha	24/12/2010	98
Họp lớn về phương án giao quyền KTTS ở CHNC Lương Chánh	28/12/2010	61
Họp lớn về phương án giao quyền KTTS CHNC Đầm phá Vinh Hiền	31/12/2010	152
Họp lớn về hồ sơ giao quyền khai thác ở CHNC Nuôi cá lồng Vinh Hiền	31/12/2010	81
Họp về ranh giới hành chính ở huyện Hương Trà	4/1/2011	28
Lễ công bố giao quyền khai thác thủy sản và kế hoạch đăng ký ngư cụ và giấy chứng nhận khai thác của CHNC Lê Thái Thiện	11/1/2011	82
Lễ công bố giao quyền khai thác thủy sản và kế hoạch đăng ký ngư cụ và giấy chứng nhận khai thác của CHNC Đông Hải	12/1/2011	97
Họp tổng kết năm CHNC Nuôi cá lồng Vinh Hiền	14/1/2011	93

Họp tổng kết năm CHNC Lộc Bình 1	20/1/2011	87
Đua ghe ở CHNC Lê Thái Thiện	9/2/2011	2700
Phái đoàn đánh giá ba bên thăm thực địa	20/2/2011	15
Hội thảo Kỹ thuật IMOLA lần thứ 6	21/2/2011	80
Hội nghị Đánh giá Ba bên dự án IMOLA lần thứ 5	22/2/2011	47

Tại thời điểm báo cáo tiến độ này, dự án đã hoàn thành 69 tháng hoạt động liên tục. Dự án đã tổ chức Hội Nghị Ba Bên giữa kì (có Hội Thảo Kỹ Thuật lần VI) vào tháng 2 năm 2011, theo kịp tiến độ hoạt động và gặt hái kết quả đáng kể.

**Vấn đề vận hành dự án.** Vấn đề chính diễn ra trong kỳ báo cáo (cụ thể là tháng 2-tháng 4 2011) đó là cán bộ dự án không ổn định do việc trì hoãn hợp đồng, tuyển dụng ngắn hạn trong thời gian tới (do dự án kết thúc hoạt động vào tháng 30/6/2012) và một số cán bộ đã được đào tạo chuyển sang Dự án khác của FAO ở khu vực. Do đó, chúng tôi đã nhận được yêu cầu xin nghỉ việc của cán bộ CNTT kiêm GIS, một phiên/biên dịch thuyên chuyển công tác, một cán bộ hành chính kế toán thuyên chuyển công tác.

Hiện nay, dự án đã đề nghị tuyển người thay vị trí kế toán/hành chính để có thể thực hiện gấp các hoạt động theo mùa vụ và một cán bộ chuyên gia CNTT/GIS đang được Sở Tài nguyên & Môi trường đặc phái sang dự án. Phiên dịch từ trường đại học ngoại ngữ làm việc trên tinh thần tình nguyện nhưng chất lượng phiên dịch không ổn định. Do thiếu cán bộ, chúng tôi đang có kế hoạch tiếp đón các nhà khoa học trẻ tuổi từ trường đại học đối tác quốc tế, là đóng góp bằng hiện vật từ hợp phần hợp tác phi tập trung, với điều kiện là họ tự hỗ trợ kinh phí đi lại từ trường đại học của mình. Ngoài ra không có vấn đề gì khác, hoạt động dự án vẫn theo tiến độ và kế hoạch hoạt động và có sự phối hợp tốt giữa phía thực hiện dự án, đối tác chính phủ Việt Nam và các cơ quan của Tỉnh.

**Vấn đề ngân sách.** Chi tiêu của dự án theo như dự kiến đến cuối giai đoạn II tháng 4/2011

## **D. KẾ HOẠCH CÔNG VIỆC VÀ KẾT QUẢ MONG ĐỢI TRONG KÌ BÁO CÁO TIẾP THEO**

Mô tả kế hoạch hoạt động và đầu ra sẽ được thực hiện trong kỳ hoạt động thứ 12 được mô tả trong phần này (từ tháng thứ 69 đến 73). Trong số các điểm nhấn, kỳ tiếp theo sẽ có các hoạt động: i) ao nuôi sinh thái ở Hương Phong; ii) kế hoạch trồng rừng ở Rú Chá, iii) hoàn thành bản đồ tổn thương ngập lụt theo hộ gia đình cho xã Hương Phong, iv) hoàn thành mô hình thủy động lực học đầm phá; v) hoàn thành tiểu dự án Sam Chuôn, vi) giao quyền khai thác thủy sản cho tất cả các CHNC còn lại của IMOLA, vii) chính thức hóa khu bảo vệ ở Cầu Hai (vùng rong câu Vinh hiền và khu vực ở Lộc Bình), là một phần của Chương trình Bảo tồn của Tỉnh.

Liên quan đến **Đầu ra 5**, Kế hoạch Quản lý Đầm phá Tổng hợp (hoạt động 5.1) sẽ được chỉnh sửa và cập nhật, theo như hướng dẫn và kiến nghị, bao gồm các bản đồ chuyên đề, là đầu ra của hoạt động 5.2 và lồng ghép kết quả của các mô hình thí điểm. Kế hoạch phân vùng cho các xã thí điểm (hoạt động 5.3) sẽ được hoàn chỉnh sau khi nhận ý kiến đóng góp từ các phiên tham vấn ý kiến với các bên liên quan ở cấp xã và huyện. Kế hoạch phân vùng chung đầm phá (hoạt động 5.4) sẽ được hoàn chỉnh thông qua việc gắn kết hài hòa các kế hoạch phân vùng địa phương cũng như các quy hoạch tổng thể của tỉnh đối với các lĩnh vực cụ thể. Phương pháp phân vùng có sự tham gia đã được thử nghiệm và sử dụng để lấy ý kiến; phương pháp này sẽ được tiếp tục áp dụng trong kỳ báo cáo tiếp theo ở các địa phương đã được lựa chọn (hoạt động 5.6). Việc điều phối giữa các cơ quan thuộc UBND tỉnh, có sự tham gia của các bên chính liên quan đến đầm phá và quản lý ven bờ là hoạt động tiếp diễn. Đối thoại về kinh nghiệm của IMOLA và các phương pháp quy hoạch đã được tiến hành với TTPTNT/Viện CSCLNNPTNT, thuộc Bộ NNPTNT về khả năng sử dụng những kết quả của IMOLA trong việc xây dựng/ thực hiện Nghị Quyết Tam Nông và các chính sách của trung ương trong lĩnh vực phát triển kinh tế nông thôn mới. Sự phù hợp của dự án đối với các mục tiêu và ưu tiên của quốc gia là một vấn đề ưu tiên. Việc hình thành dự án mới sẽ được thực hiện trong kỳ báo cáo tiếp theo để xin thêm nguồn vốn.

Liên quan đến **Đầu ra 6**, tất cả các hoạt động hỗ trợ bốn tiểu đầu ra này sẽ được tiếp tục

Đối với việc xây dựng **tiểu đầu ra 6.1**, các hoạt động đồng quản lý sẽ được hoàn thành với việc giao quyền KTTS cho các CHNC còn lại do dự án hỗ trợ. Các hoạt động khác sẽ bao gồm: i) tăng cường đối thoại chính sách về quyền KTTS (hoạt động tiếp diễn), ii) các can thiệp kỹ thuật nhằm

hạn chế tác động của việc khai thác cá con (thực hiện cơ sở ương giống quy mô nhỏ), iii) thông qua cỡ mắt lưới 14mm cho các xã /CHNC thí điểm sẽ được lựa chọn.

Đối với việc xây dựng **tiểu đầu ra 6.2** (NTTS bền vững/thay thế), các hoạt động trong kỳ báo cáo tiếp theo bao gồm: i) thực hiện nuôi hai mảnh ở hai xã của huyện Phú Lộc, ii) thiết lập cơ sở ương cá giống và sản xuất thức ăn thủy sản quy mô nhỏ

Đối với việc xây dựng **đầu ra 6.3** (quan trắc môi trường đầm phá, bảo tồn và tái tạo môi sinh), các hoạt động trong kỳ báo cáo tiếp theo bao gồm các nghiên cứu khả thi kích hoạt các dải đầm phá thiếu ô xy và tái tạo điều kiện tự nhiên khu vực rừng ngập mặn còn sót lại ở Rú Chá.

Đối với việc xây dựng **đầu ra 6.4** (xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu), các hoạt động trong kỳ báo cáo tiếp theo bao gồm: i) tập huấn GIS ở cấp huyện (hoạt động 6.4.1), ii) nghiên cứu khả thi bản đồ tính xung yếu lũ lụt (hoạt động 6.4.4)

Liên quan đến **Đầu ra 7** hầu hết tất các hoạt động đang diễn ra và sẽ được duy trì (cập nhật trang web, liên kết các cơ quan, phổ biến thông tin). Việc dự thảo các văn bản hướng dẫn về (hồ sơ giao quyền KTTS, điều tra NTTS và xử lý/quản lý dữ liệu cũng như sử dụng GIS trong sắp xếp ngư cụ sẽ được chuẩn bị trong kỳ báo cáo tiếp theo.

Vui lòng liệt kê tất cả các báo cáo và tài liệu, ngoài các báo cáo tiến độ, gồm báo cáo của các tư vấn, do dự án hoàn chỉnh trong suốt quá trình báo cáo, và chỉ cụ thể mỗi báo cáo như vậy:

- nên **Đề xuất/không đề xuất** đưa vào hệ thống văn bản đã máy tính hoá của FAO vì hệ thống này lưu dữ liệu/thông tin hữu dụng cho tương lai;
- bị Chính phủ **Hạn chế/không hạn chế** vì có chứa thông tin mật;
- đã **công bố/chưa công bố**, và nếu đã công bố thì nêu ngày công bố. Nếu chưa công bố thì vui lòng gửi 4 bản về Giám đốc Phòng Tổ chức/Dịch vụ liên quan.

**Danh sách báo cáo trong kỳ này gồm:**

- Đánh giá tiềm năng bảo tồn ở Tam Giang – Cầu Hai, Đố Công Thung, Viện Tài nguyên Môi trường Biển Hải Phòng, tháng 4 năm 2010 (**Không đề xuất, Không hạn chế, Chưa công bố**)
- Các tiêu chí đề xuất xác định vùng bảo tồn ở Tam Giang Cầu Hai, Đố Công Thung, Viện Tài nguyên & Môi trường Biển Hải Phòng, Tháng 4 năm 2010 (**Không đề xuất, Không hạn chế, Chưa công bố**)
- Tập mẫu phân tích cỏ biển ở Tam Giang – Cầu Hai, Đố Công Thung, Viện Tài nguyên & Môi trường Biển Hải Phòng, tháng 4 năm 2010 (**Không đề xuất, Không hạn chế, Chưa công bố**)
- Tập mẫu phân tích nguồn giống tôm, cá ở Tam Giang – Cầu Hai, Đố Công Thung, Viện Tài nguyên & Môi trường Biển Hải Phòng, Tháng 4 năm 2010 (**Không đề xuất, Không hạn chế, Chưa công bố**)
- Báo cáo xác định các điểm tiềm năng bảo tồn ở Tam Giang Cầu Hai, Đố Công Thung, Viện Tài nguyên & Môi trường Biển Hải Phòng, tháng 4 năm 2010 (**Không đề xuất, Không hạn chế, Chưa công bố**)
- Tài liệu Giao quyền Khai thác Thủy sản cho CHNC T.Trần Phú Lộc, TT Phú Lộc, Baku Takahashi (biên tập), tháng 11 năm 2010 (**Đề xuất, Không hạn chế, Chưa công bố**)
- Tài liệu Giao quyền Khai thác Thủy sản cho CHNC Nuôi cá lồng Vinh Hiền, Baku Takahashi (Biên tập), tháng 11/2010 (**Đề xuất, Không hạn chế, Chưa công bố**)
- Tài liệu Giao quyền Khai thác Thủy sản cho CHNC Đầm phá Vinh Hiền, Baku Takahashi (Biên tập), tháng 11/2010 (**Đề xuất, Không hạn chế, Chưa công bố**)
- Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế và tác động môi trường của việc sử dụng chế phẩm sinh học trong ao nuôi tôm, Huế, tháng 8/2010, Trần Quang Khánh Vân, Đại học Nông lâm Huế, (**Không đề xuất, Không hạn chế, Chưa công bố**).
- Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế và tác động môi trường của mô hình nuôi ghép tôm sú và cá diạ trong ao tôm, tháng 8/2010, Trần Quang Khánh Vân, Đại học Nông Lâm Huế (**Không đề xuất, Không hạn chế, Chưa công bố**).
- Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế và tác động môi trường của mô hình nuôi ghép cá hồng và cá chêm ở xã Lộc Trì, tháng 10/2010, Nguyễn Văn Huy, Đại học Nông Lâm Huế (**Không đề xuất, Không hạn chế, Chưa công bố**).
- Kỳ yếu Hội thảo Kỹ thuật Dự án IMOLA, Huế, ngày 21/2/2011 (**Không đề xuất, Không hạn chế, Chưa công bố**).
- Báo cáo tổng kết vườn ươm cây ngập mặn ở Rú Chá, Hương Phong, Phạm Ngọc Dũng, Hội Khoa học & Kỹ thuật Lâm nghiệp, và Hoàng Công tin, Trung tâm Nghiên cứu Quản lý và phát triển vùng Duyên Hải, Đại học Khoa học Huế, (**Không đề xuất, Không hạn chế, Chưa công bố**).
- Báo cáo tiến độ giao quyền khai thác thủy sản của huyện Phú Lộc, Mai Văn Xi, Phòng Nông nghiệp Huyện Phú Lộc, Tháng 1/2011 (**Không đề xuất, Không hạn chế, Chưa công bố**).

Báo Cáo Viên

Tên: **Massimo Sarti**

Ngày: **10 tháng 05 năm 2011**

Chức danh: **Điều phối viên**

Chữ ký:

## **F. DANH SÁCH CÁC PHỤ LỤC**

- Phụ lục 1 – Khung logic 7.7 (ngày 6 tháng 4, 2010, điều chỉnh trước Hội Nghị Ba Bên lần IV, tháng Ba 2010);
- Phụ lục 2 – Báo cáo tài chính dự án đến ngày 30/4/2011